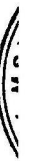
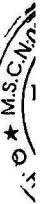


Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 22

UỶ
TR
MỘ
CÁN
TỔ
HOA

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là ("Công ty" hoặc "VAMC") là Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và Quyết định thành lập số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam. Mã số doanh nghiệp: 0106238852 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng).

Ngày 31 tháng 3 năm 2015 Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Hoạt động chính được đăng ký theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- ▶ Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;
- ▶ Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;
- ▶ Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;
- ▶ Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- ▶ Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng;
- ▶ Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của VAMC sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Công ty được ủy quyền cho các tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện các hoạt động sau:

- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Đoàn Văn Thắng	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Quang Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2016
----------------------	------------	-----------------------------------

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Thắng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Đặng Đình Thích	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018
Ông Đỗ Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018
Ông Lê Quang Châu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Đông chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Ông Đoàn Văn Thắng được Hội đồng thành viên giao ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Nghị quyết số 124/NQ-HĐTV ngày 6 tháng 11 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CHỖ
CHỮ
HẠN
VIẾT
CÁC
DỰN
AM
T.P.P

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Trần Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2019

Số tham chiếu: 61226346/21187528

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên
Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 6 tháng 11 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 11 năm 2019

10/11/2019

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02/VAMC

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, tiền gửi các TCTD	4	14.349.941.970.574	17.990.389.635.810
1	Tiền mặt		70.655.412	69.202.507
2	Tiền gửi không kỳ hạn		5.976.893.999	49.103.462.706
3	Tiền gửi có kỳ hạn		774.000.000.000	679.000.000.000
4	Tiền thu hồi nợ đang bị phong tỏa (Số tiền thu hồi, xử lý các khoản nợ chưa chuyển trả cho TCTD do chưa thanh toán TPĐB)		13.569.894.421.163	17.262.216.970.597
II	Nợ mua	5	145.854.653.942.741	183.208.188.479.283
1	Nợ mua bằng TPĐB		143.451.127.835.056	182.684.203.417.335
2	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB		2.445.971.209.287	532.690.211.948
3	Dự phòng rủi ro đối với khoản nợ mua	6	(42.445.101.602)	(8.705.150.000)
III	Tài sản cố định		3.895.868.596	2.234.757.758
1	Tài sản cố định hữu hình	7	3.895.868.596	2.234.757.758
a	Nguyên giá TSCĐ		8.407.977.132	5.687.409.732
b	Hao mòn TSCĐ		(4.512.108.536)	(3.452.651.974)
IV	Tài sản Có khác	8	141.035.249.278	2.769.825.070.719
1	Các khoản phải thu từ hoạt động mua bán nợ		135.972.529.115	2.767.864.277.661
2	Các khoản lãi phải thu		3.510.000.000	449.166.667
3	Tài sản Có khác		1.552.720.163	1.511.626.391
	Tổng tài sản		160.349.527.031.189	203.970.637.943.570

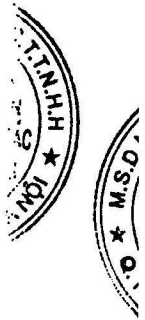
**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02/VAMC

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Phải trả từ hoạt động mua bán nợ	9	13.569.894.421.163	17.262.167.470.597
II	Trái phiếu đặc biệt phát hành		143.451.127.835.056	182.684.203.417.335
1	Mệnh giá TPĐB phát hành	10	156.527.156.935.440	199.047.402.692.482
2	Nợ mua bằng TPĐB đã thu hồi được	5	(13.076.029.100.384)	(16.363.199.275.147)
III	Các khoản phải trả và công nợ khác		1.251.755.815.586	2.007.222.453.214
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	705.776.633	480.007.813
2	Phải trả người lao động	9	15.425.587.385	13.640.674.623
3	Các khoản công nợ khác	9	1.235.624.451.568	1.993.101.770.778
	Tổng nợ phải trả		158.272.778.071.805	201.953.593.341.146
IV	Vốn và các quỹ	11	2.076.748.959.384	2.017.044.602.424
1	Vốn của VAMC		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
a	Vốn điều lệ		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2	Quỹ của VAMC		2.942.136.573	2.942.136.573
3	Lợi nhuận chưa phân phối		73.806.822.811	14.102.465.851
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		160.349.527.031.189	203.970.637.943.570



**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02/VAMC

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2018	31/12/2017
1	Tài sản thuê ngoài, nhận giữ hộ, bảo đảm	321.939.437.619.538	402.071.639.406.401
2	Nợ mua	348.354.619.228.667	396.964.916.925.541
a	Nợ mua bằng TPDB	343.417.035.870.497	393.449.322.499.109
-	Nợ gốc của khoản nợ mua	169.536.243.316.014	217.394.830.998.475
-	Nợ lãi của khoản nợ mua	173.880.792.554.483	176.054.491.500.634
b	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPDB	4.937.583.358.170	3.515.594.426.432
-	Nợ gốc của khoản nợ mua	2.611.740.491.341	2.938.066.458.945
-	Nợ lãi của khoản nợ mua	2.325.842.866.829	577.527.967.487

Người lập:

Ông Trần Ngọc Thạch

Người phê duyệt:

Ông Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đoàn Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2019

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03/VAMC

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	Doanh thu từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB	12	52.883.493.033	57.791.681.327
2	Chi phí hoạt động mua nợ bằng TPĐB		(328.824.000)	-
I	Lãi thuần từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB		52.554.669.033	57.791.681.327
3	Doanh thu từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường	13	993.320.944.606	2.618.380.000.000
4	Giá vốn của khoản nợ đã được thu hồi	16	(942.825.606.894)	(2.608.380.000.000)
II	Lãi thuần từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường		50.495.337.712	10.000.000.000
5	Doanh thu hoạt động tài chính	14	63.596.749.263	21.271.116.840
6	Chi phí tài chính		(215.890)	-
III	Lãi thuần từ hoạt động tài chính		63.596.533.373	21.271.116.840
7	Thu nhập khác	15	54.800.000	61.500.000
8	Chi phí khác		-	(243.485.000)
IV	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác		54.800.000	(181.985.000)
V	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(107.511.172.518)	(72.126.193.389)
VI	Lợi nhuận		59.190.167.600	16.754.619.778

Người lập:

Ông Trần Ngọc Thạch

Người phê duyệt:

Ông Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đoàn Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2019

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B04/VAMC

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		59.190.167.600	16.754.619.778
02	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ		1.035.969.117	928.424.811
03	Các khoản dự phòng rủi ro trong kỳ tăng trong năm		33.739.951.602	8.705.150.000
04	Lãi và phí phải thu trong năm thực tế chưa thu		(3.510.000.000)	(449.166.667)
05	Các điều chỉnh khác		(36.779.531.062)	(18.372.267.782)
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.676.557.257	7.566.760.140
06	Tăng khoản nợ mua không bao gồm khoản nợ mua bằng TPĐB		(1.913.830.997.339)	(532.690.211.948)
07	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		2.650.436.398.847	(2.666.887.364.485)
08	Tăng khác về tài sản		(543.769.676)	-
09	Tăng/(giảm) các khoản phải trả bao gồm cả phát hành trái phiếu không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp, TPĐB phát hành		5.734.537.582	(4.754.762.853)
10	(Giảm)/tăng công nợ, các khoản phải trả khác		(4.433.276.692.507)	5.527.198.867.490
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.637.803.965.836)	2.330.433.288.344
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(2.643.699.400)	-
11	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(2.643.699.400)	-

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B04/VAMC

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
12	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-	1.500.000.000.000
	Tiền thu từ nhận vốn của ngân sách		-	1.500.000.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.640.447.665.236)	3.830.433.288.344
	Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển đầu năm	4	17.990.389.635.810	14.159.956.347.466
	Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển cuối năm	4	14.349.941.970.574	17.990.389.635.810

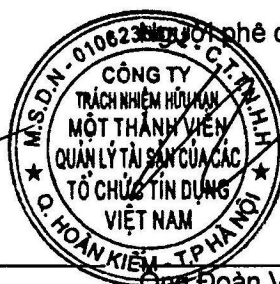
Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Trần Ngọc Thạch

Ông Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Ông Đoàn Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2019

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B05/VAMC

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và Quyết định thành lập số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam. Mã số doanh nghiệp: 0106238852 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng).

Ngày 31/3/2015 Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Vốn điều lệ của VAMC là 2.000.000.000.000 VND (Hai nghìn tỷ đồng), có hiệu lực từ ngày 5 tháng 4 năm 2015. Số vốn tăng thêm đã được chủ sở hữu cấp bổ sung đầy đủ vào ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính được đăng ký theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- ▶ Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;
- ▶ Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;
- ▶ Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;
- ▶ Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- ▶ Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng;
- ▶ Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của VAMC sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Công ty được ủy quyền cho các tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện các hoạt động sau:

- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 153 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 151 người).

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/VAMC

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Thông tư 42") quy định về chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là sổ Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

3.4 Mua nợ bằng nguồn trái phiếu đặc biệt

Nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt là các khoản nợ do các TCTD bán cho Công ty theo giá mua là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể các TCTD đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ đó và được thanh toán bằng nguồn trái phiếu đặc biệt do Công ty phát hành cho các TCTD. Theo thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN, các khoản nợ bán cho Công ty phải là nợ xấu và có tài sản đảm bảo.

Cuối mỗi quý, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt và đảm bảo khớp đúng số liệu, bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau: số tiền thu hồi nợ mua, số nợ vay đã chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp, số dư nợ gốc, nợ lãi còn phải thu hồi, tài sản bảo đảm, số nợ thu hồi đã trả nợ vay tái cấp vốn của TCTD bán nợ, phí VAMC được hưởng, phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ (nếu có).

Khi thanh toán trái phiếu đặc biệt, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu, xác nhận toàn bộ số liệu công nợ có liên quan đến khoản nợ xấu đã mua, bán (bao gồm cả phí VAMC được hưởng) đảm bảo chính xác, khớp đúng và quyết toán các khoản phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Mua nợ bằng nguồn vốn không phải bằng trái phiếu đặc biệt*

Hoạt động mua, bán nợ bằng nguồn vốn không phải bằng trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("Thông tư 42"). Theo đó, việc mua, bán nợ được thực hiện được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ký kết phù hợp với các quy định của pháp luật về mua bán nợ. Giá của khoản nợ đã mua được phản ánh vào tài khoản này là giá vốn của khoản nợ mua, bao gồm: giá mua khoản nợ và chi phí giao dịch ban đầu liên quan trực tiếp đến khoản nợ mua.

Định kỳ, Công ty tiến hành phân loại nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Điều 47, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam.

Dự phòng đối với từng khoản nợ xấu được mua theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 (R) được Công ty trích lập theo số dư của các khoản nợ này tại ngày 15 tháng 12 hàng năm theo công thức sau:

$$R = (A - C) \times r$$

Trong đó:

a) A là giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại Công ty Quản lý tài sản tại thời điểm ngày 15 tháng 12 hàng năm; C là giá trị khấu trừ tài sản bảo đảm của khoản nợ; r là tỷ lệ trích lập dự phòng do Hội đồng thành viên quyết định nhưng không thấp hơn 5%;

b) Trường hợp $C > A$ thì R được tính bằng 0;

c) Trường hợp một tài sản được bảo đảm cho nhiều khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản xác định tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm cho từng khoản nợ xấu C được tính là giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm nhân với tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó.

Khi khoản nợ được mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt được bán lại, doanh thu và giá vốn tương ứng được ghi nhận vào các khoản mục "Doanh thu từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường" và "Giá vốn của khoản nợ đã được thu hồi" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

3.6 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

52.
TY
HÀNH
H VI
H CÚ
N DƯ
VAM
-T.P

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng TPĐB

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng TPĐB được ghi nhận theo Quy định tại Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013, Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Theo đó Công ty được ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính cho từng năm tài chính, tính trên số tiền đã thu hồi được của khoản nợ xấu và số dư nợ TPĐB cuối kỳ được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt.

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 42. Theo đó, doanh thu được ghi nhận bằng giá bán nợ được quy định trên hợp đồng bán nợ khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản nợ đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao khoản nợ.

Doanh thu tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

4. TIỀN MẶT, TIỀN GỬI CÁC TCTD

Đơn vị: VND

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền mặt	70.655.412	69.202.507
Tiền gửi không kỳ hạn	5.976.893.999	49.103.462.706
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	774.000.000.000	679.000.000.000
Tiền thu hồi nợ đang bị phong tỏa (**)	13.569.894.421.163	17.262.216.970.597
TỔNG CỘNG	14.349.941.970.574	17.990.389.635.810

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và được hưởng lãi suất từ 5,00%/năm đến 5,50%/năm.

(**) Số tiền thu hồi, xử lý các khoản nợ chưa chuyển trả cho TCTD do chưa thanh toán TPĐB.

5. NỢ MUA

5.1. Nợ mua bằng TPĐB

Đơn vị: VND

	31/12/2018	31/12/2017
Nợ mua bằng TPĐB	143.451.127.835.056	182.684.203.417.335
Nợ mua bằng TPĐB đã thu hồi	13.076.029.100.384	16.363.199.275.147
TỔNG CỘNG	156.527.156.935.440	199.047.402.692.482

5.2. Nợ mua bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB

Đơn vị: VND

	31/12/2018	31/12/2017
Nợ mua bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB	2.445.971.209.287	532.690.211.948
Dự phòng rủi ro	(42.445.101.602)	(8.705.150.000)
TỔNG CỘNG	2.403.526.107.685	523.985.061.948

6. DỰ PHÒNG RỦI RO HOẠT ĐỘNG MUA NỢ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Đơn vị: VND

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Kỳ này		
Số dư đầu kỳ	-	8.705.150.000
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	33.739.951.602
Số dư cuối kỳ	-	42.445.101.602
Kỳ trước		
Số dư đầu kỳ	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	8.705.150.000
Số dư cuối kỳ	-	8.705.150.000

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2018 như sau:

Đơn vị: VND

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	788.584.278	4.718.825.454	180.000.000	5.687.409.732
Mua trong năm	52.800.000	2.300.235.400	367.532.000	2.720.567.400
Số cuối năm	841.384.278	7.019.060.854	547.532.000	8.407.977.132
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	621.231.689	2.756.420.285	75.000.000	3.452.651.974
Khấu hao trong năm	107.263.128	842.863.745	109.329.688	1.059.456.561
Số cuối năm	728.494.817	3.599.284.030	184.329.688	4.512.108.536
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	167.352.589	1.962.405.169	105.000.000	2.234.757.758
Số cuối năm	112.889.461	3.419.776.824	363.202.312	3.895.868.596

8. TÀI SẢN CỐ KHÁC

Đơn vị: VND

	<i>31/12/2018</i>	<i>31/12/2017</i>
Phải thu từ hoạt động mua bán nợ (*)	135.972.529.115	2.767.864.277.661
Tạm ứng	320.400.150	860.817.300
Phải thu khác	678.550.337	640.809.091
Lãi phải thu từ hoạt động tài chính	3.510.000.000	449.166.667
Chi phí chờ phân bổ	543.769.676	-
Tài sản khác	10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG	141.035.249.278	2.769.825.070.719

(*) Chi tiết các khoản phải thu về hoạt động mua bán nợ

	<i>31/12/2018</i>	<i>31/12/2017</i>
Phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn TPĐB	135.972.529.115	126.564.277.661
Phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB	-	2.641.300.000.000
TỔNG CỘNG	135.972.529.115	2.767.864.277.661

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2018	31/12/2017
Phải trả về hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn TPĐB	13.569.894.421.163	17.262.167.470.597
Phải trả về hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB	1.138.652.594.000	1.806.800.000.000
Phải trả người lao động (*)	15.425.587.385	13.640.674.623
Nhận ký quỹ, ký cược	90.000.000.000	140.000.000.000
Các khoản phải trả khác	7.677.634.201	46.781.778.591
TỔNG CỘNG	14.821.650.236.749	19.269.389.923.811

(*) Ngày 14 tháng 3 năm 2018, Thống đốc NHNN đã có Công văn số 396/QĐ-NHNN quyết định công bố xếp loại doanh nghiệp năm 2018 của VAMC, theo đó năm 2018 VAMC được xếp loại A. Căn cứ theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013, VAMC được phân phối lợi nhuận vào các quỹ theo tỷ lệ như sau:

- ▶ Trích 30% lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển;
- ▶ Trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- ▶ Trích 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp.

10. TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT PHÁT HÀNH

Đơn vị: VND

	31/12/2018	31/12/2017
TPĐB có thời hạn phát hành 5 năm	74.800.169.858.725	74.727.441.551.162
TPĐB có thời hạn phát hành khác	81.726.987.076.715	124.319.961.141.320
TỔNG CỘNG	156.527.156.935.440	199.047.402.692.482

11. VỐN VÀ CÁC QUỸ CỦA VAMC

Đơn vị: VND

	Vốn góp/Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch thu- chi	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.000.000.000.000	2.942.136.573	14.102.465.851	2.017.044.602.424
Tăng trong năm				
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	59.190.167.600	59.190.167.600
Các khoản tăng khác	-	-	514.189.360	514.189.360
Số dư cuối năm	2.000.000.000.000	2.942.136.573	73.806.822.811	2.076.748.959.384

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

12. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NỢ BẰNG TPĐB

Đơn vị: VND

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu tính trên dư nợ gốc cuối kỳ	17.501.143.262	22.280.472.011
Doanh thu tính trên số tiền thu hồi nợ xấu	35.382.349.771	35.511.209.316
TỔNG CỘNG	52.883.493.033	57.791.681.327

Theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013, Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản được hưởng một tỷ lệ trên số tiền thu hồi nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước sau khi thống nhất với Bộ Tài chính. Công ty thực hiện dự thu và ghi nhận doanh thu cho năm tài chính 2018 với tỷ lệ là 0,1151% tính trên số tiền thu hồi khoản nợ xấu và 0,0122% tính trên số dư nợ gốc cuối kỳ của các khoản nợ xấu mua bằng TPĐB đang hạch toán nội bảng theo Công văn số 7363/NHNN-TCKT do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 28 tháng 9 năm 2018 thông báo về tỷ lệ các khoản thu năm 2018 của VAMC.

13. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NỢ BẰNG NGUỒN VỐN KHÔNG PHẢI TPĐB

Đơn vị: VND

	Năm 2018	Năm 2017
Thu từ hoạt động thu hồi nợ	43.791.596.661	580.000.000
Thu từ bán nợ, bán tài sản bảo đảm	884.684.000.000	2.617.800.000.000
Thu khác	64.845.347.945	-
TỔNG CỘNG	993.320.944.606	2.618.380.000.000

14. DOANH THU TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	63.596.749.263	21.271.116.840
TỔNG CỘNG	63.596.749.263	21.271.116.840

15. DOANH THU KHÁC

Đơn vị: VND

	Năm 2018	Năm 2017
Thu khác	54.800.000	61.500.000
TỔNG CỘNG	54.800.000	61.500.000

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NỢ BẰNG NGUỒN VỐN KHÔNG PHẢI TPĐB

	Đơn vị: VND	
	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí bán nợ	942.825.606.894	2.608.380.000.000
TỔNG CỘNG	942.825.606.894	2.608.380.000.000

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị: VND	
	Năm 2018	Năm 2017
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	131.215.943	141.045.020
Chi phí cho nhân viên	52.947.976.037	46.208.632.563
Trong đó		
- Chi lương và phụ cấp (*)	48.205.200.000	41.719.848.000
- Các khoản chi đóng góp theo lương	3.234.544.558	3.193.521.261
- Chi trợ cấp	1.188.317.580	1.079.487.402
- Chi công tác xã hội	319.913.899	215.775.900
Chi về tài sản	3.492.763.747	3.554.290.992
- Trong đó khấu hao tài sản cố định	1.059.456.561	928.424.811
Chi phí khác	50.939.216.791	22.222.224.814
TỔNG CỘNG	107.511.172.518	72.126.193.389

(*) Công ty thực hiện theo Công văn số 3908/NHNN-TCCB do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 27 tháng 5 năm 2019, theo đó:

Quỹ tiền lương, thù lao năm 2018 của người quản lý:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người quản lý của Công ty được xác định trên cơ sở số tháng làm việc thực tế của người quản lý là 70 tháng và mức tiền lương bình quân thực hiện (được tính căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Thông tư số 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2018 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội) là 53.904.000 đồng/người/tháng;
- Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2018 là 3.773,28 triệu đồng.

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người lao động được xác định tối đa không quá 44.432 triệu đồng (tiền lương bình quân của người lao động là 26,26 triệu đồng/người/tháng).

238852
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
HÀNH
TÀI SẢN
TỔNG TÍNH
VIỆT NAM
VIỆM - T

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

18. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	2018	2017
I. Tổng số cán bộ, CNV	153	141
II. Thu nhập của cán bộ		
1. Tổng quỹ lương	48.205.200.000	41.719.848.000
2. Thu nhập khác	-	-
3. Tổng thu nhập (1+2)	48.205.200.000	41.719.848.000
4. Tiền lương bình quân	26.255.556	24.657.121
5. Thu nhập bình quân	26.255.556	24.657.121

19. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			Đơn vị: VND
	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối năm
Thuế TNCN	480.007.813	3.863.706.828	(3.637.938.008)	705.776.633
	480.007.813	3.863.706.828	(3.637.938.008)	705.776.633

20. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

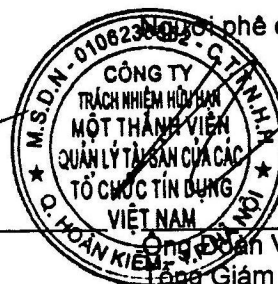
Người lập:

Ông Trần Ngọc Thạch

Người phê duyệt:

Ông Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phan Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2019